

Bản án số: 55/2024/DS-PT

Ngày: 20/3/2024

V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.

- *Các Thẩm phán:* Ông Thái Văn Hà.

Bà Nguyễn Thanh Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Lữ Thị Xuân Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp chia thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2023/DS-ST ngày 07 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1947; cư trú tại: Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:*

- Bà Tô Thị B, sinh năm 1949; vắng mặt.

- Anh Phan Ngọc T1; có mặt.

- Chị Phan Thị T2; vắng mặt.

- Anh Phan Anh T3; có mặt.

- Anh Phan Trí T4; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: C N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

- Bà Phan Thị K, sinh năm 1949; cư trú tại: Ấp H, Xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp của bà K: Bà Võ Thị Đ; cư trú tại: Ấp H, Xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai là đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2024).

- Bà Phan Thị H, sinh năm 1955; cư trú tại: A T, tổ 1, KV1, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Võ Trương Anh Đ1; vắng mặt.

- Cháu Phan Ngọc N; vắng mặt.

- Cháu Phan Ngọc K1; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Số C đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

5. Người kháng cáo: Ông Phan Văn T là nguyên đơn, anh Phan Ngọc T1, anh Phan Anh T3 là bị đơn, bà Phan Thị H, bà Phan Thị K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án.

6. Kháng nghị: Quyết định kháng nghị số: 1457/QĐ-VKS-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:

Cha ông là Phan Xuân c năm 1965, mẹ là Nguyễn Thị R chết năm 1996 (khi chết đều không để lại di chúc), cụ X và cụ R có 04 người con gồm: Ông Phan Phụng H1 chết 2006 (có vợ là bà Tô thị B1 và các con là phan Ngọc T5, Phan Anh T3, Phan Thị T2, Phan Trí T4); bà Phan Thị K, ông Phan Văn T, bà Phan Thị H. Di sản của vợ chồng cụ X, cụ R để lại gồm nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ C N, TP . và lô đất số 192 H, phường Q, Thành phố Q, tỉnh Bình Định. Về nguồn gốc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 28, tại 192 H, KV1, P. Q, TP ., do cụ R khai hoang từ trước năm 1975. Theo sổ đăng ký bộ thuế nông nghiệp tại xã Q năm 1978 cụ R đăng ký diện tích 552m² đất nông nghiệp trồng cây hoa màu. Tuy nhiên, sau đó ông H1 đã chuyển nhượng một phần diện tích cho người khác, hiện nay chỉ còn 247,9m². Sau khi cụ R chết ông H1 quản lý, sử dụng đất.

Nay ông yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của vợ chồng cụ X, cụ R để lại gồm phần đất của số nhà C N TP . (không chia nhà) và lô đất số 192 H, TP .. Các di sản trên hiện nay do vợ và các con ông H1 quản lý, sử dụng. Hình thức chia cụ thể: Đối với đất tọa lạc tại địa chỉ C N TP . chia bằng giá trị (bằng tiền), chia thành 4 kỷ phần bằng nhau. Đối với đất tọa lạc tại A H TP . chia bằng hiện vật, chia theo mặt tiền Hoàng Văn T6 thành 04 kỷ phần bằng nhau. Tại phiên Tòa sơ thẩm ông yêu cầu nhận đất.

Bị đơn bà Tô Thị B trình bày:

Thông nhất với lời khai của bên Nguyên đơn về quan hệ gia đình, cụ Phan Xuân c năm 1965, cụ Nguyễn Thị R chết năm 1996 đều không để lại di chúc, vợ chồng cụ X và cụ R sinh hạ 04 người con gồm: Phan Phụng H1 chết 2006; bà Phan Thị K, ông Phan Văn T, bà Phan Thị H.

Về nguồn gốc nhà đất 387 N: Khi bà về làm dâu cụ R có khai hoang mảnh đất khoảng 32 m² phần phía sau nhà 387 N. Cụ R rồi xây nhà trên đất và vợ chồng bà ở cùng. Hiện ngôi nhà vẫn còn nhưng đã bị mục nát do thời gian. Khoảng năm 1970 vợ chồng bà tiếp tục khai hoang và xây dựng phần phía trước nhà 387 Nguyễn Thái H2 như bây giờ, diện tích bao nhiêu bà không nhớ rõ. Vợ chồng, con cái bà đã ở trên nhà, đất đó từ những năm 1970. Quá trình sử dụng từ đó đến nay chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất. Vợ chồng bà đã đóng thuế đất cả phần trước và sau của ngôi nhà 387 Nguyễn Thái H2 từ năm 1970 tới nay, hiện nay nhà đất đã đăng ký kê khai Địa chính tại phường N, TP ., đứng tên ông Phan Phụng H1. Nay ông T yêu cầu chia 148,6m² đất nói trên bà có ý kiến như sau: Phần diện tích nhà đất khoảng 32m² phía sau nhà 387 Nguyễn Thái H2 là của mẹ chồng là cụ R khai hoang xây dựng, bà đồng ý chia, bán, nếu ai muốn ở cứ ở. Bà muốn dùng phần đất này để thờ cúng ông bà.

Về nguồn gốc đất tại 190-192 Hoàng Văn T6: Nguyên đất này là đất núi do chồng bà là ông Phan Phụng H1 khai hoang khi còn trẻ khoảng 14 tuổi. Sau này đất đã được đưa vào Hợp Tác Xã phường Q để làm Nông nghiệp trồng cây ngắn ngày. Ông H1 là người đóng thuế đất, đất đã đăng ký địa chính tại phường Q đứng tên ông Phan Phụng H1. Bà không đồng ý chia thừa kế vì đây là đất của ông Phan Phụng H1 khai hoang.

Bị đơn Anh Phan Ngọc T1, chị Phan Thị T2, anh Phan Anh T3, anh Phan Trí T4 trình bày: Thông nhất lời trình bày của bà Tô Thị B.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phan Thị K là bà Võ Thị Đ trình bày: Bà K thống nhất hàng thừa kế, thống nhất di sản thừa kế, và thống nhất chia thừa kế theo phương thức như yêu cầu của ông Phan Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phan Thị H trình bày: Bà H thống nhất hàng thừa kế, thống nhất di sản thừa kế, thống nhất cách chia theo ý kiến và yêu cầu của ông Phan Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Trương Anh Đ1, cháu Phan Ngọc N, cháu Phan Ngọc K1 không Tòa không lấy được lời khai.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2023/DS-ST ngày 07 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Phan Văn T đối với thửa đất tọa lạc tại C N, TP . theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 1998: số thửa đất 5, tờ bản đồ số 1 có diện tích 148,6m² là di sản của cụ X và cụ Nguyễn Thị R chết để lại.

Giao cho bà Tô Thị B và các con là anh Phan Ngọc T1, anh Phan Anh T3, anh Phan Trí T4 và chị Phan Thị T2 quản lý, sử dụng nhà và đất 387 N - Thành

phổ Q, sau khi hoàn thành các nghĩa vụ về Thuế và các chi phí đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, và sau khi có nghĩa vụ thối lại cho các đồng thừa kế như sau: Ông Phan Văn Thành: 2.575.500.000 đồng, bà Phan Thị K : 2.575.500.000 đồng, bà Phan Thị H : 2.575.500.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn T, bà Phan Thị K, bà Phan Thị H yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Phan X1, cụ Nguyễn Thị R đối với quyền sử dụng thửa đất số 4, tờ bản đồ số 28, diện tích 247,9m² tọa lạc tại 1 H, TP ..

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 21 tháng 06 năm 2023, nguyên đơn ông Phan Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H, bà Phan Thị K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận thửa đất số 04, tờ bản đồ số 28 tại số A H, TP . là di sản thừa kế và chia di sản này cho tất cả hàng thừa kế. Ngày 01 tháng 3 năm 2024, ông T, bà H có kháng cáo bổ sung yêu cầu được cùng với bà K nhận chung quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 28 tại số A H, TP . và để bà B cùng các con là anh T1, anh T3, chị T2, anh T4 nhận chung quyền sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 tại số C N, TP ., không bên nào giao lại giá trị chênh lệch cho bên nào. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà K là bà Võ Thị Đ bổ sung kháng cáo với nội dung như sau: kháng cáo bổ sung của ông T và bà H.

Ngày 28 và 29 tháng 06 năm 2023, bị đơn anh Phan Ngọc T1, anh Phan Anh T3 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số: 89/2023/DS-ST ngày 07 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Ngày 07 tháng 07 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ theo hướng chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn T, bà Phan Thị K, bà Phan Thị H yêu cầu chia thừa kế di sản của vợ chồng cụ Phan X1 và cụ Nguyễn Thị R đối với quyền sử dụng thửa đất số 4, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại 1 H, TP . và miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T, bà B, bà K2, bà H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định. Chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H, bà Phan Thị K. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Ngọc T1 và anh Phan Anh T3. Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng như đã phân tích trong kháng nghị và đề nghị trích cho bà Tô Thị B một phần công sức bảo quản, tôn tạo di sản bằng một kỹ phần thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo, kháng cáo bổ sung của ông Phan Văn T, bà Phan Thị K và bà Phan Thị H, HĐXX thấy rằng: Ông T, bà K và bà H yêu cầu Tòa án xác định thửa đất số 04, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại A H, P. Q, Tp ., tỉnh Bình Định là di sản của vợ chồng cụ Phan X1 và cụ Nguyễn Thị R để lại và yêu cầu chia di sản này là có căn cứ, bởi lẽ: Thứ nhất, về nguồn gốc đất thì tại Biên bản hòa giải tranh chấp lần thứ 2 vào ngày 30/09/2005, ông Phan Phụng H1 đã thừa nhận *“Đất là do ông bà để lại không có di chúc, sau khi cha mẹ mất tôi tiếp quản sử dụng cho đến nay. Nay các em tôi đòi chia, tôi không đồng ý”*. Thứ hai, tại Bộ T7 nông nghiệp năm 1978, ấp K+4+5+6, Xã Q, huyện Q, tỉnh Nghĩa Bình thể hiện hộ là cụ Nguyễn Thị R có số thứ tự 120, Chủ nông hộ là cụ Nguyễn Thị R, số được tính nhân khẩu nông nghiệp là 1 người, diện tích đất trồng rau, màu 552m², sản lượng 165kg. Hơn nữa, những người làm chứng là ông Trần Văn N1 khai: *“...Nay tôi xin khẳng định thửa đất số 28 tọa lạc tại 192 đường H có nguồn gốc của ông X1, bà R...”*, ông Nguyễn Ngọc A khai: *“...Nguồn gốc nhà và đất tại 190-192 Hoàng Văn Thụ phường Q trước kia là của cha mẹ ông T, tức ông X1 và bà R tạo dựng, diện tích hơn 500m²...”*, một số người làm chứng khác như ông Cao N2, ông Đinh L, bà Đoàn Thị M đều khẳng định đất là của vợ chồng cụ X1, cụ R. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định thửa đất số 04, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại 1 H, P. Q, Tp ., tỉnh Bình Định là tài sản của vợ chồng cụ Phan X1 và cụ Nguyễn Thị R tạo lập. Thứ ba, mặc dù đến năm 1982 thửa đất vào Hợp tác xã, nhưng theo xác minh tại cấp sơ thẩm cũng như lời khai của những người làm chứng đều thể hiện đất vào hợp tác xã là của các hộ cá thể, chứ không phải là của hợp tác xã giao cho hộ theo định suất nhân khẩu. Mặt khác, đến năm 1988 thì Hợp tác xã nông nghiệp phường Q tự giải thể, cụ R vẫn quản lý, sử dụng thửa đất cho đến khi cụ R chết (năm 1996), thì ông H1 tiếp tục quản lý, sử dụng và sau khi ông H1 chết thì anh Phan Ngọc Thanh quản lý, sử dụng cho đến nay. Tại Văn bản số: 190/UBND-NC ngày 08/02/2007, phúc đáp Công văn số: 15/CV-TA ngày 05/01/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, UBND thành phố Q đã khẳng định: *“...Đối với diện tích lô đất khoảng 270m² tọa lạc tại số nhà A đường H thuộc tổ D, khu V, phường Q, T hiện do anh Phan Ngọc Thanh quản lý, sử dụng nằm trong khu dân cư ổn định, phù hợp với quy hoạch. Nếu chủ sử dụng có đầy đủ giấy tờ hợp pháp thì được xem xét cấp GCN QSD đất...”*. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định sau khi Hợp tác xã nông nghiệp phường Q tự giải thể, thì đất đai đương nhiên được hoàn trả cho các chủ cũ. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định *“đất là của Hợp tác xã quản lý”* là không có cơ sở. Đối với việc ông T, bà K, bà H yêu cầu được nhận chung quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 28 tại số A H, TP ., để bà B cùng các con là anh T1, anh T3, chị T2, anh T4 nhận chung quyền sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 tại số C N, TP ., không bên nào giao lại giá trị chênh lệch cho bên nào, thì đây là sự tự nguyện của các nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn nên kháng cáo bổ sung của các nguyên đơn là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của anh Phan Ngọc T1, anh Phan Anh T3, HĐXX thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý, xác minh, thu thập, chứng cứ và

giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Hơn nữa, anh T1, anh T3 cũng không có chứng cứ chứng minh cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự nên kháng cáo của anh T1, anh T3 là không có căn cứ.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi thì ông Phan Văn T sinh năm 1947, bà Phan Thị K sinh năm 1949, bà Phan Thị H và bà Tô Thị B sinh năm 1947 là người cao tuổi, nhưng cấp sơ thẩm buộc họ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và như đã phân tích tại mục [1] thì HĐXX đã xác định thừa đất số 04, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại 1 H, P. Q, Tp ., tỉnh Bình Định là di sản của vợ chồng cụ Phan X1 và cụ Nguyễn Thị R để lại chưa chia. Do đó, toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của anh Phan Ngọc T1, anh Phan Anh T3 là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Kháng cáo của ông Phan Văn T, bà Phan Thị K, bà Phan Thị H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Xác định di sản của vợ chồng cụ Phan X1 và cụ Nguyễn Thị R để lại gồm có: Quyền sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 1, diện tích theo đo đạc hiện trạng thực tế ngày 19/12/2023 là $144,5m^2$, tọa lạc tại C N, TP Q, có giá trị theo thị trường theo Biên bản định giá ngày 19/12/2023 là 80.000.000 đồng/ m^2 , giá trị thửa đất là: $144,5m^2 \times 80.000.000 \text{ đồng}/m^2 = 11.560.000.000 \text{ đồng}$ và quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 28, diện tích theo đo đạc hiện trạng thực tế ngày 19/12/2023 là $227,7m^2$, tọa lạc tại 1 H, TP Q, có giá trị theo thị trường theo Biên bản định giá ngày 19/12/2023 là 55.000.000 đồng/ m^2 , giá trị thửa đất là: $227,7m^2 \times 55.000.000 \text{ đồng}/m^2 = 12.525.000.000 \text{ đồng}$. Tổng giá trị di sản là: $11.560.000.000 \text{ đồng} + 12.525.000.000 \text{ đồng} = 24.085.500.000 \text{ đồng}$. Sau khi trích cho bà B 100.000.000 đồng công sức bảo quản, tôn tạo di sản, thì giá trị di sản còn lại: $24.085.500.000 \text{ đồng} - 100.000.000 \text{ đồng} = 23.985.000.000 \text{ đồng}$, chia cho các đồng thừa kế của cụ R là ông H1, ông T, bà K, bà H nên mỗi kỷ phần có giá trị: $23.985.000.000 \text{ đồng} : 4 \text{ kỷ phần} = 5.996.250.000 \text{ đồng}/\text{kỷ phần}$. Ông H1 đã chết nên kỷ phần của ông H1 được chia cho các đồng thừa kế của ông H1 là bà B, anh T1, anh Tuấn, chị T2, anh T4 nên mỗi kỷ phần có giá trị: $5.996.250.000 \text{ đồng} : 5/\text{kỷ phần} = 1.199.062.500 \text{ đồng}/\text{kỷ phần}$. Tuy nhiên, do yêu cầu chia di sản theo phương thức của các nguyên đơn được HĐXX chấp nhận nên sửa một phần Bản án sơ thẩm, cụ thể như sau: Ông T, bà K, bà H được nhận chung phần di sản là quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 28 tại số A H, TP .. Bà B cùng các con là anh T1, anh T3, chị T2, anh T4 được nhận chung phần di sản là quyền sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 tại số C N, TP ., không bên nào phải giao lại giá trị chênh lệch cho bên nào. Các nguyên đơn không tranh chấp về nhà, tài sản và vật kiến trúc gắn liền với đất và hiện nay anh Phan Ngọc T1 đang quản lý, sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 28 tại

số A H, TP .. Các tài sản, vật kiến trúc trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định và sơ đồ hiện trạng thực tế ngày 19/12/2023 là thuộc sở hữu của anh T1 nên anh T1 phải tháo dỡ, di dời những tài sản để trả thửa đất cho ông T, bà K, bà H sử dụng, gồm: Toàn bộ phần xây dựng, vật kiến trúc và tài sản trên đất, trừ phần cổng ngõ có giá trị: $450.000/m^2 \times 9m^2 \times 20\%$ (chất lượng còn lại) = 810.000 đồng, hai đoạn tường rào xây gạch có giá trị: $(10.22m + 7.80m) \times 1.8m = 32m^2 \times 487.000 \text{ đồng}/m^2 \times 20\%$ (chất lượng còn lại) = 3.116.000 đồng và 01 giếng đóng có giá trị: $350.000/m \times 5m = 1.750.000 \text{ đồng}$ (theo sơ đồ bản vẽ và Biên bản định giá tài sản 19/12/2023). Giao cho ông T, bà K, bà H được sở hữu các tài sản này và họ phải cùng nhau có nghĩa vụ thanh toán cho anh T1 giá trị với số tiền tổng cộng là: 810.000 đồng + 3.116.000 đồng + 1.750.000 đồng = 5.676.000 đồng, chia phần mỗi người phải chịu: 1.892.000 đồng. Các bên đương sự có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất nói trên, theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật đất đai 2013.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[5.1] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm: Anh Phan Ngọc T1, anh Phan Anh T3, anh Phan Trí T4 và chị Phan Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị chia tài sản được nhận và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Phan Văn T, bà Phan Thị K, bà Phan Thị H và bà Tô Thị B được miễn án phí.

[5.2] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 32.000.000 đồng. Theo quy định tại các Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tất cả các đương sự trong vụ án phải chịu chi phí tố tụng khác tương ứng với giá trị tài sản mình được nhận, cụ thể: Ông T, bà K, bà H mỗi người phải chịu 8.000.000 đồng, bà B, anh T1, anh T3, anh T4, chị T2 mỗi người phải chịu 1.600.000 đồng. Ông T đã ứng chi xong 21.000.000 đồng, bà H đã ứng chi xong 11.000.000 đồng. Do đó, bà K phải hoàn trả lại cho ông T 8.000.000 đồng. Bà B, anh T1, anh T3, anh T4, chị T2 phải cùng chung nhau hoàn trả cho ông T 5.000.000 và hoàn trả cho bà H 3.000.000 đồng.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX. Ý kiến về việc giải quyết vụ án đối với phần đề nghị tăng phần công sức bảo quản, tôn tạo di sản cho bà Tô Thị B là không phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 148, 157, 165, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 100 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn T, bà Phan Thị K, bà Phan Thị H và Kháng nghị số: 1457/QĐ-VKS-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Ngọc T1 và anh Phan Anh T3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2023/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Phan Thị K và bà Phan Thị H.

1.1 Giao cho ông Phan Văn T, bà Phan Thị K và bà Phan Thị H được trọn quyền sử dụng chung thửa đất số 04, tờ bản đồ số 28, diện tích 227,7m² tại số A H, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có sơ đồ bản vẽ do Công ty cổ phần T8 thực hiện ngày 19/12/2024 kèm theo).

1.2 Buộc anh Phan Ngọc T1 phải tháo dỡ, di dời các tài sản, vật kiến trúc trên đất gồm: Toàn bộ phần xây dựng, vật kiến trúc và tài sản trên đất (thuộc sở hữu của anh T1), trừ phần cổng ngõ (bằng sắt), hai đoạn tường rào xây gạch và 01 giếng đóng. Ông Phan Văn T, bà Phan Thị K và bà Phan Thị H được sở hữu phần cổng ngõ, hai đoạn tường rào xây gạch, 01 giếng đóng và phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phan Ngọc T1 5.676.000 đồng giá trị các tài sản được sở hữu, chia phần mỗi người phải chịu: 1.892.000 đồng (theo sơ đồ bản vẽ do Công ty cổ phần T8 thực hiện ngày 19/12/2024 kèm theo).

1.3 Bà Tô Thị B cùng các con là anh Phan Ngọc T1, anh Phan Anh T3, anh Phan Trí T4 và chị Phan Thị T2 được quyền sử dụng chung thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 tại số C N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có sơ đồ bản vẽ do Công ty cổ phần T8 thực hiện ngày 19/12/2024 kèm theo).

1.4 Các bên đương sự có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất nói trên, theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật đất đai năm 2013.

2. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Phan Ngọc T1, anh Phan Anh T3, anh Phan Trí T4 và chị Phan Thị T2 mỗi người phải chịu 35.962.500 đồng.

- Hoàn trả lại cho ông Phan Văn T 7.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu số: 003155 ngày 06 /01/2006 và số: 00727 ngày 09/10/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Hoàn trả lại cho bà Phan Thị K 3.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 00724 ngày 09/10/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Hoàn trả lại cho bà Phan Thị H 3.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 00723 ngày 09/10/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả lại cho ông Phan Văn T, bà Phan Thị H và bà Phan Thị K mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu số: 0003998, 0003999, 0004000 ngày 27/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Hoàn trả lại cho anh Phan Ngọc T1 và anh Phan Anh T3 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu số: 0004099, 0004100 ngày 11/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3.3 Về chi phí tố tụng khác: Bà Phan Thị K phải hoàn trả lại cho ông Phan Văn T 8.000.000 đồng. Bà Tô Thị B, anh Phan Ngọc T1, anh Phan Anh T3, anh Phan Trí T4, chị Phan Thị T2 phải cùng chung nhau hoàn trả lại cho ông Phan Văn T 5.000.000 đồng và phải hoàn trả lại cho bà Phan Thị H 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ định giá tài sản.

4. quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TP. Quy Nhơn;
- CCTHADS TP. Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Nguyễn Thanh Tuấn Thái Văn Hà

Võ Công Phương

